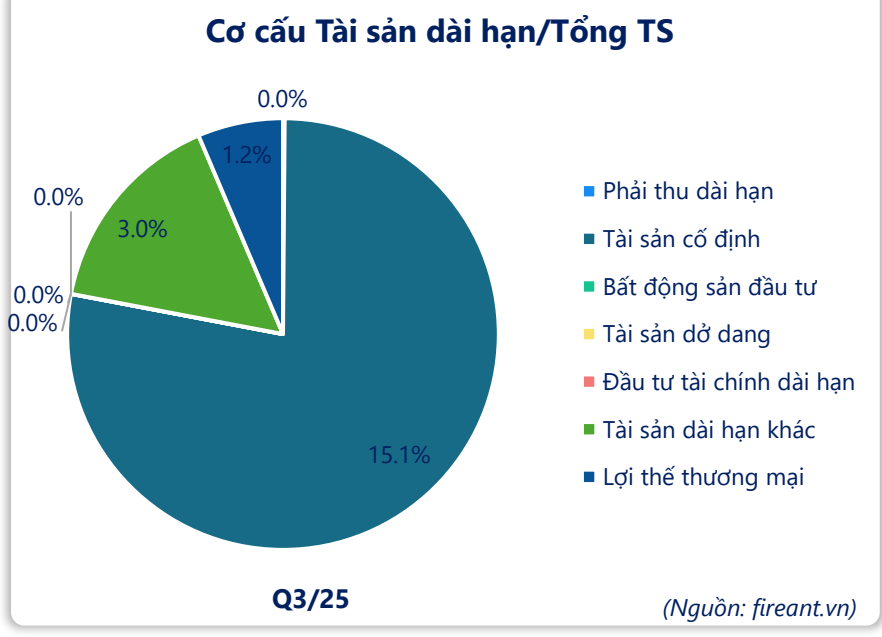
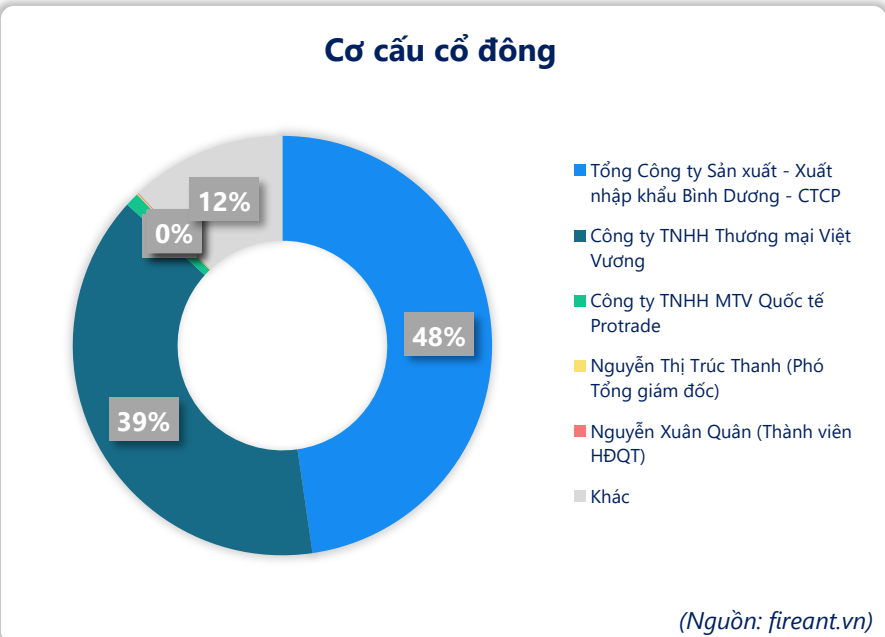
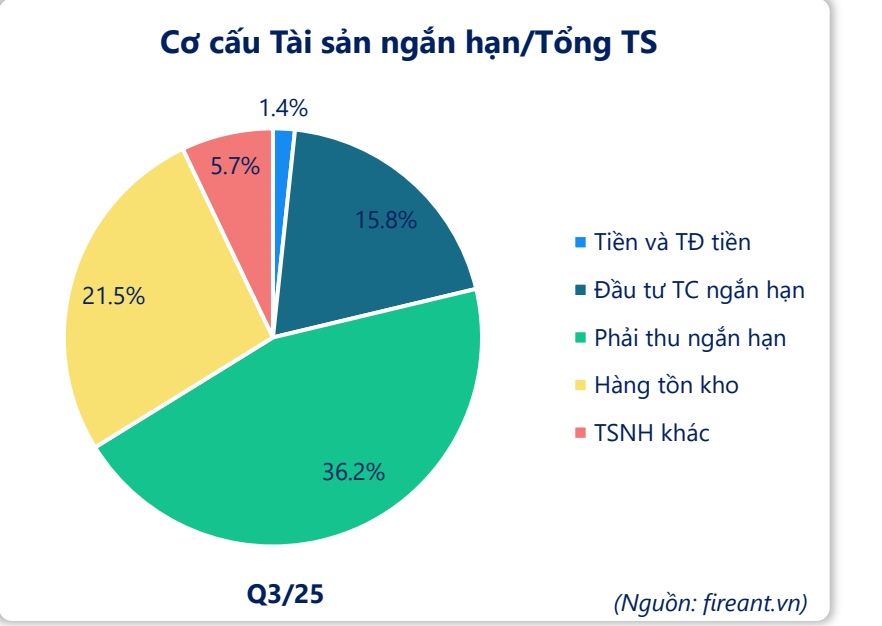
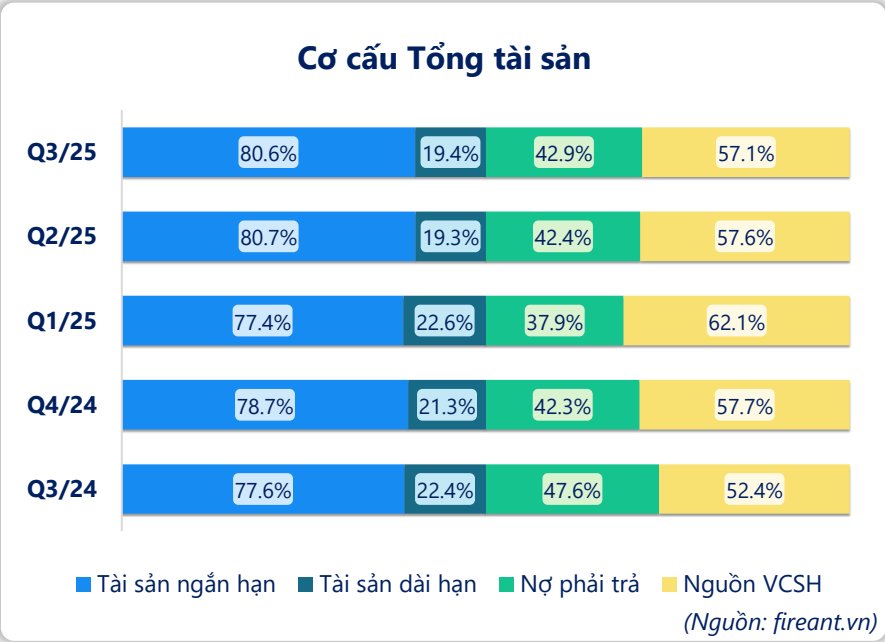
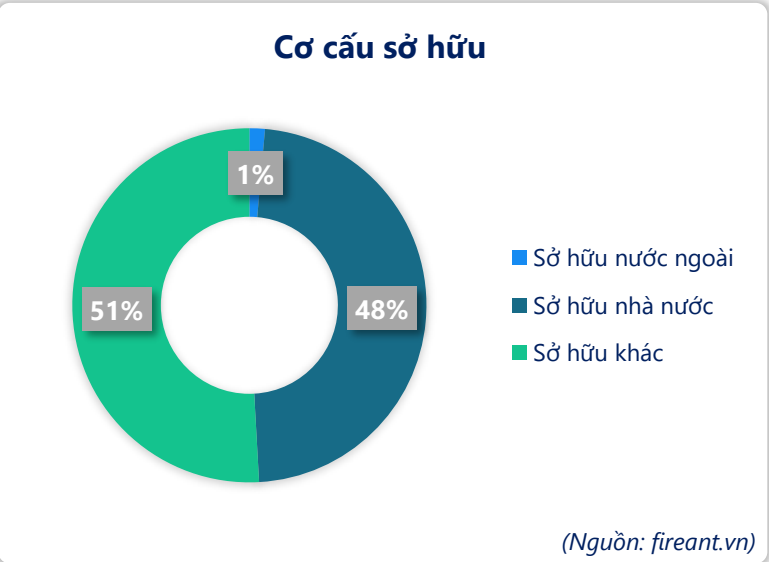
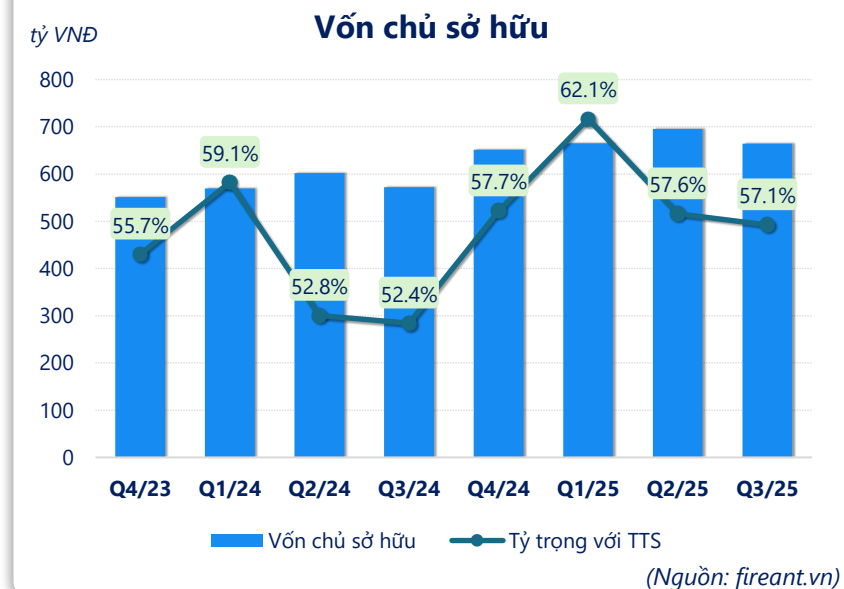
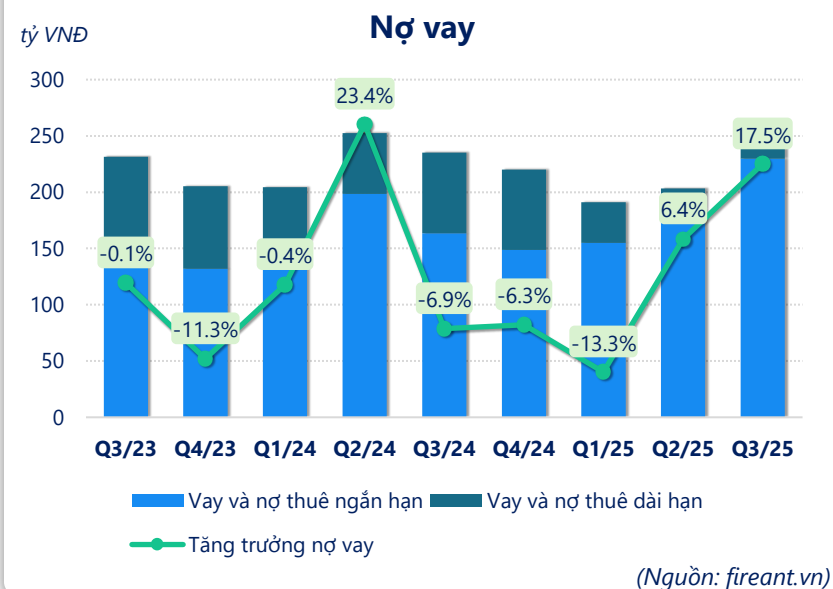
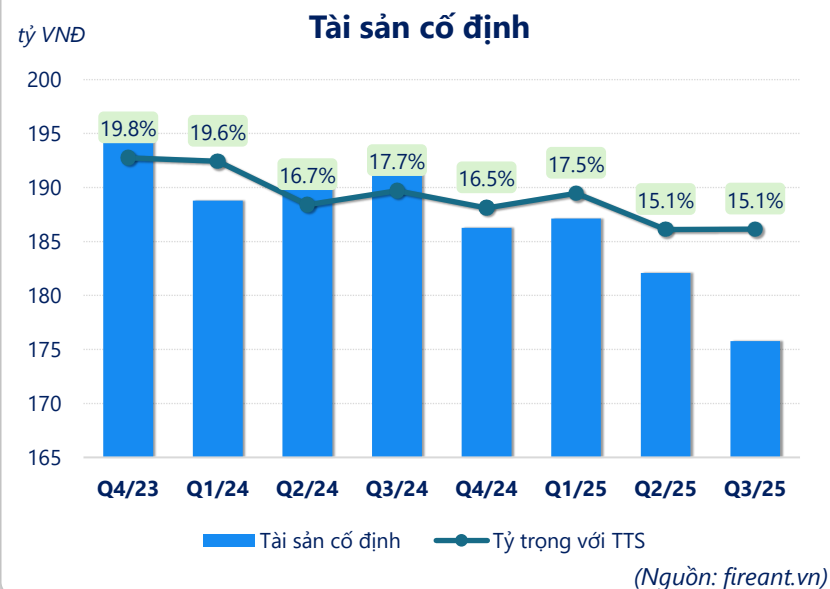
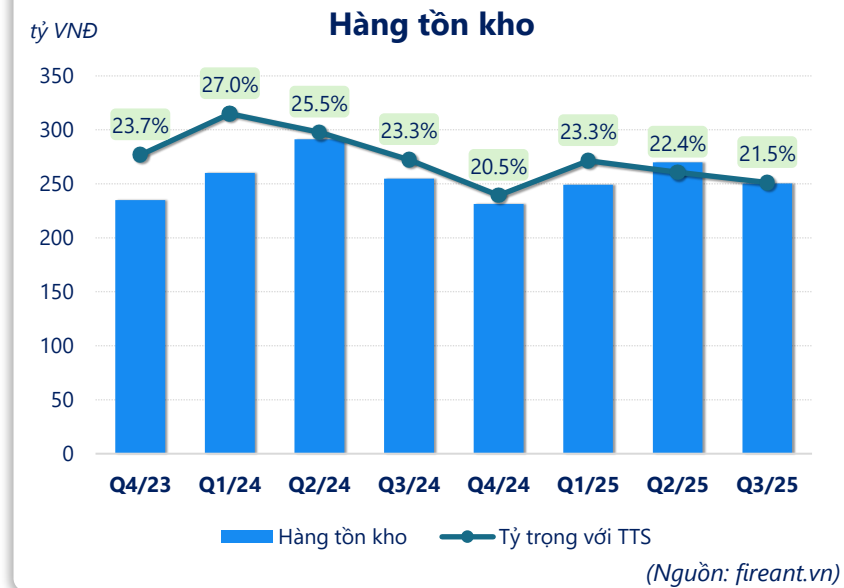
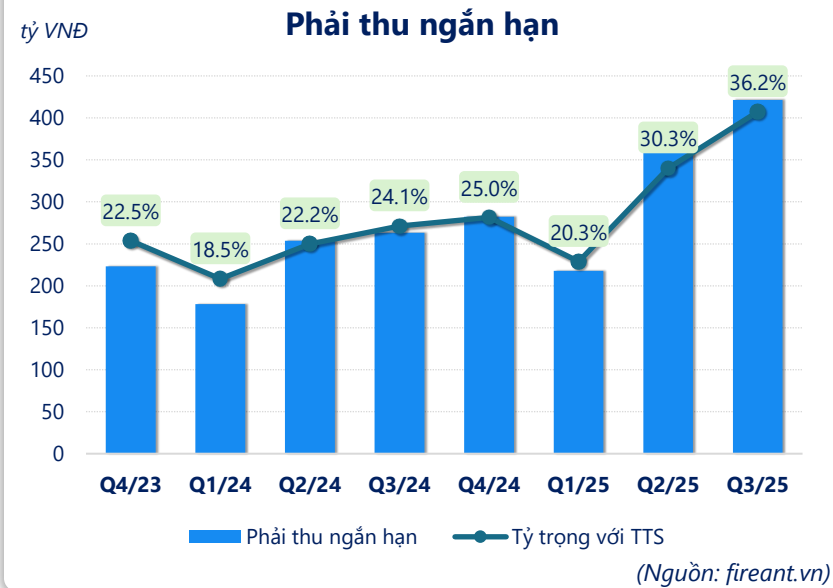
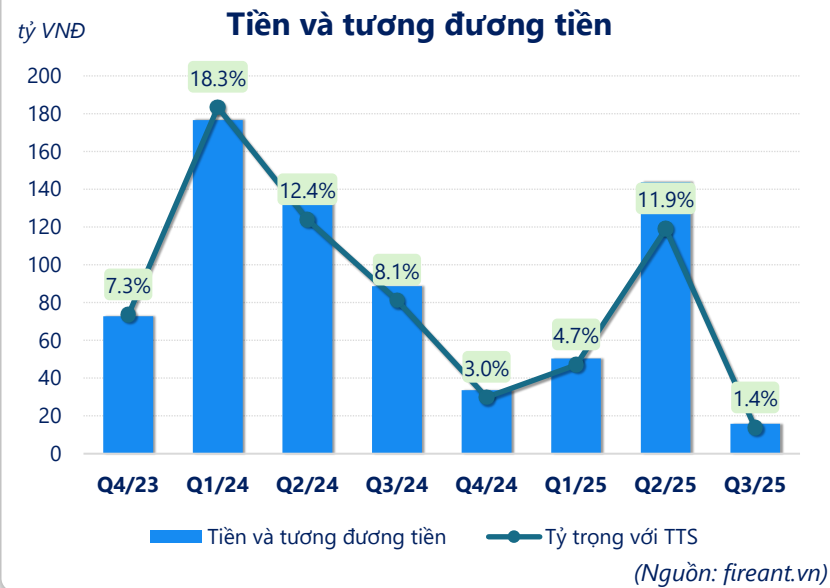
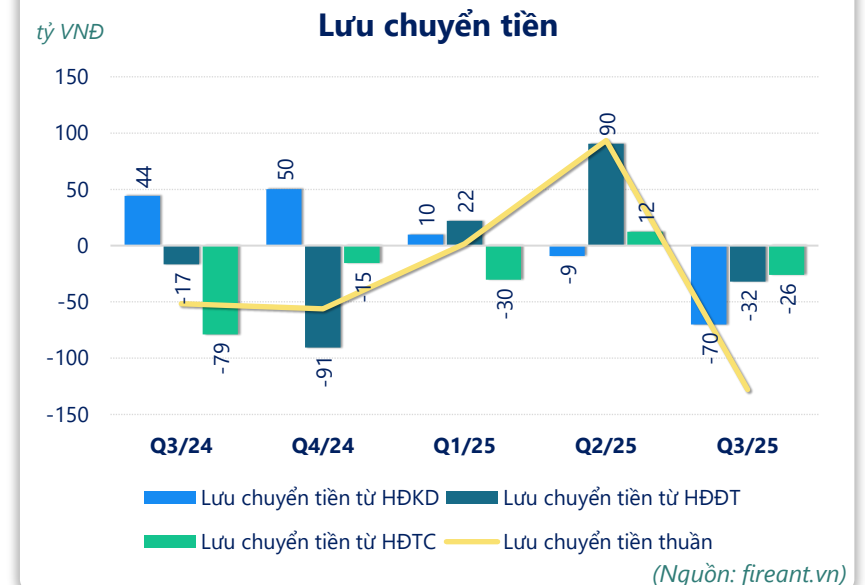
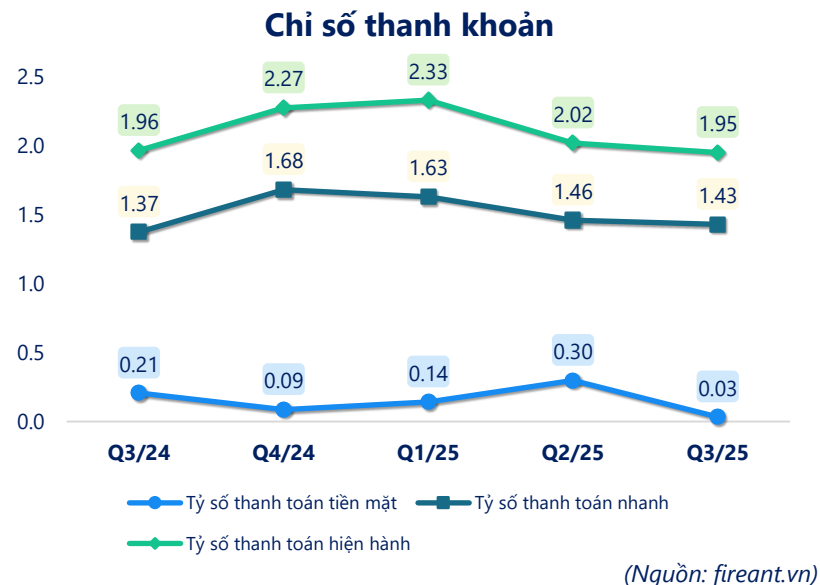
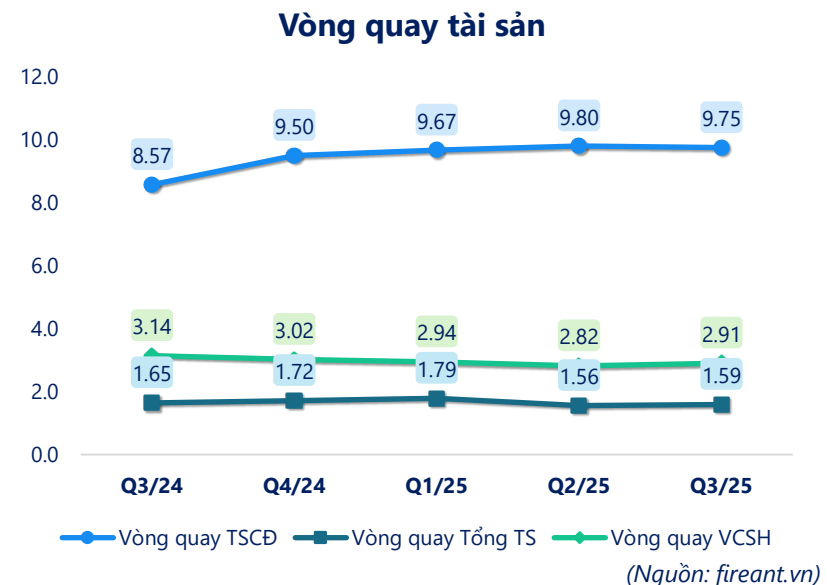
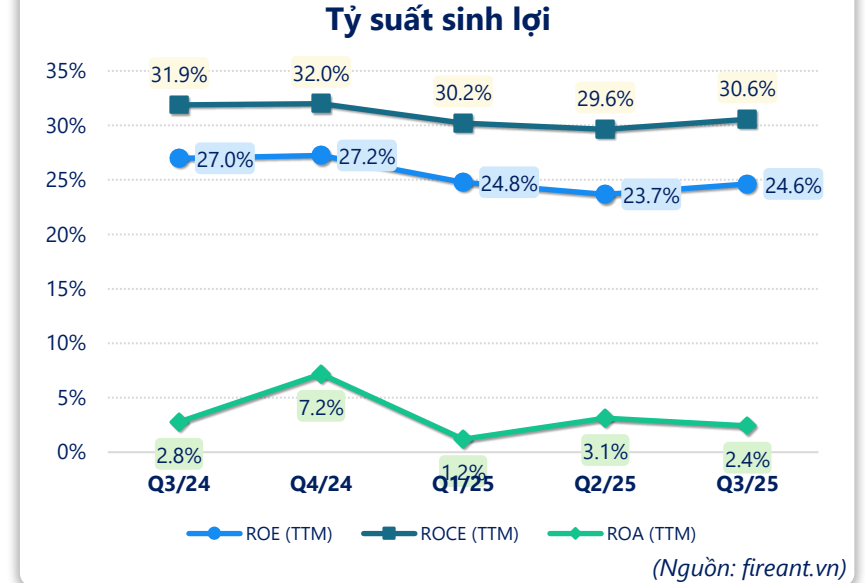
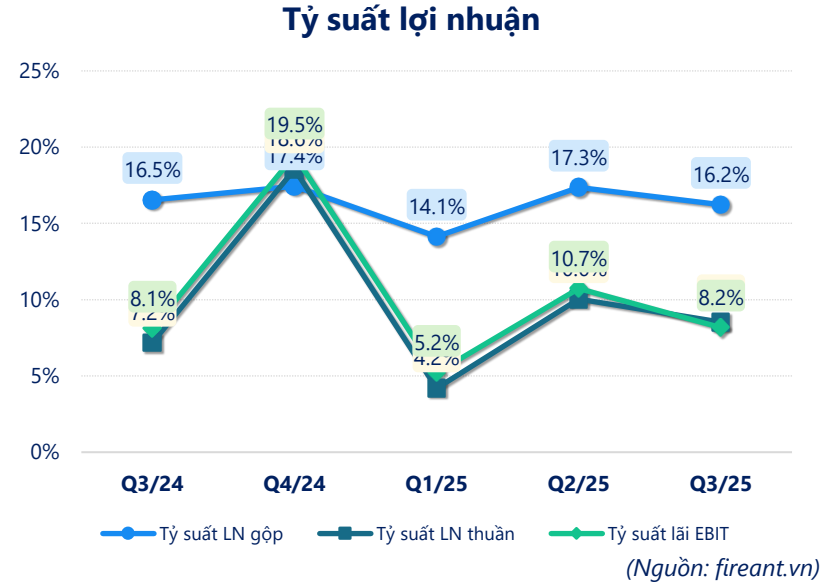
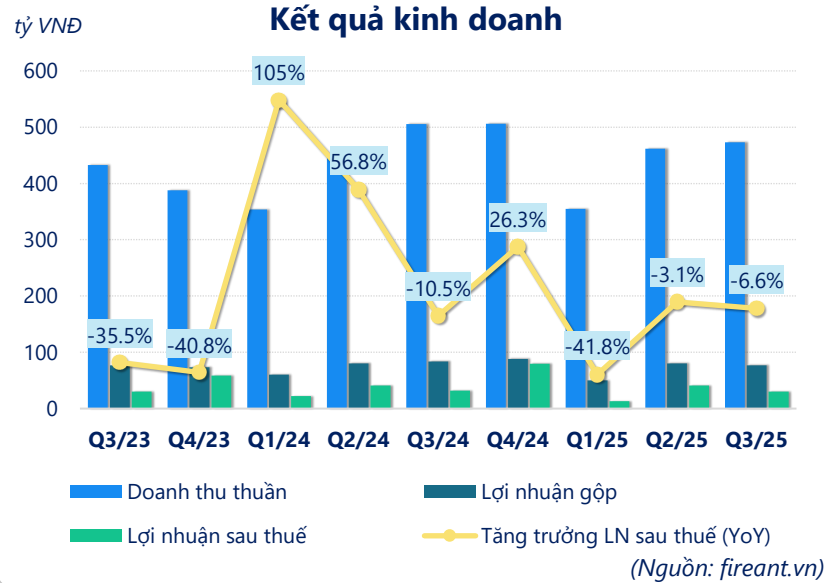


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		38,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		39,600
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		28,162
SL cổ phiếu LH		24,799,920
KLGD BQ 20 phiên (CP)		1,115
% sở hữu nước ngoài		1.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		955
P/E		6.3
EPS		6,136

	YTD	1T	3T	6T
BDG	21.3%	-1.5%	17.2%	2.5%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,163	1,133	2.7%
Tài sản ngắn hạn	938	893	5.0%
Tiền và tương đương tiền	15.9	48.9	-67.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	184	265	-30.8%
Phải thu ngắn hạn	421	283	48.7%
Hàng tồn kho	250	235	6.5%
Tài sản ngắn hạn khác	66.6	59.9	11.2%
Tài sản dài hạn	226	240	-5.9%
Phải thu dài hạn	0.28	0.20	38.7%
Tài sản cố định	176	186	-5.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	3.00	-100%
Tài sản dài hạn khác	35.3	34.4	2.4%
Lợi thế thương mại	14.5	16.1	-10.3%
Nợ phải trả	499	481	3.9%
Nợ ngắn hạn	481	430	11.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	230	184	24.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	135	125	8.0%
Nợ dài hạn	18.5	50.7	-63.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	8.92	35.9	-75.2%
Nguồn vốn chủ sở hữu	664	652	1.8%
Vốn chủ sở hữu	664	652	1.8%
Vốn điều lệ	248	248	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	505	506	355	462	473
Giá vốn hàng bán	422	418	305	381	397
Lợi nhuận gộp	83.6	88.2	50.2	80.1	76.8
Doanh thu HĐTC	11.7	20.6	10.1	12.8	12.3
Chi phí TC	15.8	11.2	9.92	9.86	7.52
Chi phí lãi vay	2.87	2.82	2.53	2.51	2.58
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	4.67	4.32	3.68	4.48	4.51
Chi phí QLDN	38.5	-0.48	31.8	32.2	36.7
LN thuần từ HĐKD	36.3	93.9	14.9	46.3	40.4
Lợi nhuận khác	1.80	1.79	1.10	0.70	-4.25
LN trước thuế	38.1	95.7	16.0	47.0	36.1
Lợi nhuận sau thuế	31.9	79.4	13.1	40.8	30.4
LNST của CĐ cty mẹ	28.7	76.0	12.1	36.7	27.3

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	44.1	50.0	9.74	-9.29	-70.1
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-16.8	-90.6	22.1	90.5	-31.9
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-79.0	-15.5	-30.4	12.2	-26.0
Tiền đầu kỳ	141	88.7	48.9	50.3	144
Lưu chuyển tiền thuần	-51.7	-56.0	1.45	93.4	-128
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.90	0.97	-0.01	0.02	0.00
Tiền cuối kỳ	88.7	33.7	50.3	144	15.9

(Nguồn: fireant.vn)